

BẢNG KÊ TIỀN ĂN THÁNG 10/2024
SƠ NGAY AN

TIỀN ĂN		SỐ HS	SỐ TIỀN 1 NGÀY ĂN	TRONG THÁNG	TỔNG THU	CHÊNH LỆCH						
37.000		1.446	53.502.000	23	1.230.546.000	38.569.992						
SỐ NGÀY Y ĂN	NGÀY	VEGEFRING	LÊ THÀNH	ĐẶC NHÂN TÂM	GAS	VIỆT NHI	AN PHÁT	HOÀNG PHÁT FOOD	TÀI TÀI	HOÀNG HOÀNG PHÁT	HOÀNG NGỌC	CỘNG CHI
							2.850.000		9.490.000			45.074.200
1	01-10-2024	5.751.000	21.000.000	5.983.200			2.850.000			7.150.000	12.805.776	56.903.686
2	02-10-2024	8.186.910		22.491.000	3.420.000		2.850.000				10.389.600	40.018.700
3	03-10-2024	8.383.100		18.396.000			2.850.000					69.116.470
4	04-10-2024	24.250.070	2.640.000	8.316.000		10.962.000		11.372.400	11.576.000			65.001.128
5	07-10-2024	6.640.500	5.100.000	35.238.000			2.850.000	8.282.628	6.890.000			47.628.840
6	08-10-2024	4.720.040		24.822.000	3.420.000	736.000	2.850.000	11.080.800				47.719.300
7	09-10-2024	5.398.300	17.365.000				2.850.000			11.576.000	10.530.000	43.465.650
8	10-10-2024	7.259.850		23.247.000			2.850.000				10.108.800	70.014.900
9	11-10-2024	14.289.400		21.315.000		10.411.000			23.999.500			50.002.580
10	14-10-2024	3.687.200		20.979.000	3.420.000	506.000	2.850.000	9.070.380	9.490.000			39.877.620
11	15-10-2024	3.537.220	24.524.000	1.166.400			2.850.000		7.800.000			51.723.920
12	16-10-2024	5.902.420	13.310.000	14.553.000			2.850.000		7.958.500	7.150.000		31.445.160
13	17-10-2024	4.328.760	660.000	12.936.000			2.850.000				10.670.400	66.658.416
14	18-10-2024	8.129.280	2.640.000	12.943.800	3.420.000	12.708.000	3.420.000	11.372.400			12.024.936	52.332.188
15	21-10-2024	8.581.420	5.250.000	16.632.000			2.850.000		7.150.000		11.868.768	43.056.220
16	22-10-2024	2.335.720		24.244.500	3.420.000		2.850.000	10.206.000				41.444.400
17	23-10-2024	15.532.600		1.863.000			2.850.000	9.622.800	11.576.000			48.114.380
18	24-10-2024	6.051.880	14.980.000	13.702.500			2.850.000				10.530.000	77.683.250
19	25-10-2024	9.436.750	21.350.000			10.589.500		17.496.000	18.811.000			56.348.588
20	28-10-2024	7.263.960	6.520.000	18.522.000	3.420.000		2.850.000	8.282.628	9.490.000			36.193.140
21	29-10-2024	6.988.140		16.527.000			2.850.000				9.828.000	68.446.812
22	30-10-2024	3.391.740	38.220.000	567.000			2.850.000	11.080.800			12.337.272	43.706.460
23	31-10-2024	6.728.460		24.003.000			2.850.000		10.125.000			
	TỔNG	176.774.720	173.559.000	338.447.400	20.520.000	45.912.500	57.570.000	107.866.836	#####	25.876.000	111.093.552	1.191.976.008

Kế toán
NGÔ THỊ ANH MINH

Ngày 31 tháng 10 năm 2024
TRƯỜNG
TRUNG HỌC CƠ SỞ
NGUYỄN VĂN LƯƠNG
ĐINH HUY CƯỜNG